

**ĐỀ ÁN**  
**Chuyển đổi diện tích trồng cây Thuốc lá sang các loại cây trồng khác  
trên địa bàn huyện Chi Lăng**

**Phần thứ nhất**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Đối với tiềm năng phát triển nông lâm nghiệp của huyện Chi Lăng, trong Diện tích tự nhiên hơn 70.428,58 ha, đất nông nghiệp chiếm 76,27%. Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của huyện cơ bản thuận lợi, phù hợp cho phát triển sản xuất nông lâm nghiệp. Vị trí địa lý của huyện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, thương mại với các huyện, tỉnh trong khu vực và thế giới. Dân số phần lớn sống ở nông thôn, miền núi, cuộc sống phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông lâm nghiệp, đồng thời lao động nông thôn là tiền đề quan trọng để thúc đẩy phát triển nông lâm nghiệp.

Thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, với mục tiêu phát triển toàn diện lĩnh vực nông, lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá; ưu tiên nguồn lực, chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực; đổi mới mạnh mẽ các hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết, ứng dụng khoa học vào sản xuất tạo bước đột phá nâng cao năng suất chất lượng các sản phẩm; phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới; quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

Huyện Chi Lăng đã tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tạo đồng thuận trong cả hệ thống chính trị nhằm thay đổi nhận thức, tập quán sản xuất từ sản xuất nhỏ lẻ, truyền thống sang phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Các xã, thị trấn đã tích cực triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương. Do đó, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác; tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, từng bước gắn sản xuất với bảo quản, chế biến, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; một số vùng sản xuất tập trung đã được hình thành; các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển; nhiều ngành nghề đã hình thành, phát triển ở các vùng, địa bàn khác nhau. Cùng cố và thành lập mới các Hợp tác xã, Tổ hợp

tác thương mại và dịch vụ để tổ chức sản xuất, lưu thông hàng hóa và thu mua nông sản cho nông dân.

Cây Thuộc lá - được đánh giá là cây trồng có giá trị kinh tế, dễ trồng, dễ chăm sóc, giúp người dân nhiều địa phương xóa đói giảm nghèo nhanh, bền vững. Tuy nhiên, nhiều năm trở lại đây trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nói chung và huyện Chi Lăng nói riêng, diện tích vùng trồng cây thuốc lá ngày càng bị thu hẹp. Nếu như năm 2014 trên 1.000 ha thì đến năm 2021 giảm xuống còn 800 ha. Có nhiều nguyên do khiến người trồng không còn mặn mà với cây thuốc lá, nhưng chủ yếu do đặc điểm địa hình nên điều kiện khí hậu, thời tiết tại Chi Lăng vụ xuân hàng năm thường xuyên gặp rét hại giai đoạn vườn ươm, giai đoạn đồng ruộng thiếu nước, giai đoạn hái sấy lại gặp mưa đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất nguyên liệu cây thuốc lá; về môi trường, để sấy thuốc lá cần các cây gỗ to để làm chất đốt, đây cũng là nguyên nhân gây nên tình trạng chặt phá rừng trái phép, là vấn đề rất khó để giải quyết triệt để nếu người dân vẫn tiếp tục sản xuất thuốc lá; về doanh thu, hiện nay năng suất cây thuốc lá đạt trung bình 2,5-2,7 tấn/ha, doanh thu ước đạt 125-135 triệu đồng/ha.

Cây Na là loài cây dễ trồng, chỉ sau ba năm đã cho quả, có giá trị kinh tế cao, là cây chủ lực xóa đói, giảm nghèo cho nhiều hộ nông dân. Tháng 9 năm 2011 Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ trao Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu “Na Chi Lăng” cho sản phẩm quả Na của huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. “Na Chi Lăng” được tổ chức kỷ lục Việt Nam xác nhận lập kỷ lục Đặc sản “Na Chi Lăng” của tỉnh Lạng Sơn được công nhận Top 50 đặc sản trái cây nổi tiếng của Việt Nam. Trong ba năm 2017, 2018, 2019 Na Chi Lăng đều đạt được Top 10 thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam. Nhiều năm trở lại đây, Na Chi Lăng được mùa, được giá. Vùng na tiếp tục mở rộng, thay thế cây trồng khác, bên cạnh đó việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng na rất được nhà nước và người nông dân sản xuất quan tâm và phát triển. Diện tích na theo hướng thực hành nông nghiệp tốt VietGAP và GlobalGAP đang được nhà nước quan tâm và ngày càng mở rộng. Giúp cho bà con nhân dân nâng cao kỹ thuật trồng na nhằm sản xuất ra những quả na đạt chất lượng tốt với mục đích đáp ứng nhu cầu chất lượng cho người tiêu dùng bên cạnh đó cũng quan tâm đến sức khỏe người sản xuất. Tăng giá thành sản phẩm, đưa quả Na Chi Lăng đi đến nhiều thị trường trong nước và hướng đến các thị trường ngoài nước. Hiện nay, diện tích cây Na trên địa bàn huyện đạt khoảng 2.300 ha, diện tích cho thu quả ước đạt trên 1.800 ha, năng suất bình quân ước đạt trên 10,5 tấn/ha, doanh thu ước đạt 350-400 triệu đồng/ha.

Sản xuất cây có múi đã mang lại hiệu quả kinh tế, thu nhập cao, làm giàu cho nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo tại địa phương. Hiện nay, trên địa bàn huyện Chi Lăng diện tích trồng cây có múi đạt trên 500 ha, trong đó có 138 ha diện tích cây có múi sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; năng suất bình quân đạt trên 50,0 tạ/ha; doanh thu ước đạt trên 150 triệu đồng/ha.

Cây Gai xanh AP1 là loài cây dễ trồng, đã được trồng thử nghiệm thành công, cho thấy sự phù hợp với thời tiết, khí hậu tại các xã khu vực núi đá trên

địa bàn huyện Chi Lăng. Về hiệu quả kinh tế của cây gai xanh AP1 đạt khoảng 120.000.000 đồng /ha/năm. Xây dựng mô hình trồng cây gai xanh liên kết tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao cho người dân trong vùng, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững.

Để tiếp tục thực hiện thành công chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển ngành nông lâm nghiệp của huyện tương xứng với tiềm năng, khắc phục những hạn chế còn tồn tại và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát huy, khai thác tốt các nguồn lực, lợi thế để nông lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế chủ lực, việc xây dựng **Đề án Chuyển đổi diện tích trồng cây Thuốc lá sang các loại cây trồng khác trên địa bàn huyện Chi Lăng** là rất cần thiết.

## II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCH TW Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCH TW Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 379/QĐ-BNN-KCHN, ngày 28/01/2008 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn;

- Biên bản họp số 02/BB-QPCTHTL ngày 29/4/2022 của Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá về Thảo luận Đề án Truyền thông về Phòng chống tác hại của thuốc lá và thực hiện chuyển đổi diện tích trồng cây thuốc lá sang các loại cây trồng khác trên địa bàn huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Chương trình hành động số 30/CTr-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn Phê duyệt Quy hoạch phát triển vùng cây nguyên liệu gắn với chế biến và xuất khẩu đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Chương trình số 22/CTr-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Lạng Sơn;

- Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần

thứ XVII nhiệm kỳ 2020 – 2025;

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp, giai đoạn 2020 – 2030;

- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 25-NQ/HU ngày 27/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chi Lăng khoá XXII về đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới huyện Chi Lăng giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Kết luận số 873-KL/HU ngày 30/6/2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/HU ngày 27/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chi Lăng, về đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới huyện Chi Lăng giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 37-KH/HU ngày ngày 14/4/2021 của Huyện ủy Chi Lăng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn.

- Các vấn đề thực tiễn liên quan đến phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

## **Phần thứ hai**

# **PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT THUỐC LÁ VÀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CHỦ LỰC KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

## **I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI**

### **1. Điều kiện tự nhiên**

#### **1.1. Vị trí địa lý**

Huyện Chi Lăng là một huyện miền núi nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Lạng Sơn, có độ cao trung bình so với mặt nước biển khoảng 240 m. Ranh giới của huyện: Phía Bắc giáp với huyện Cao Lộc và thành phố Lạng Sơn; phía Đông giáp huyện Lộc Bình; phía Tây giáp huyện Văn Quan; phía Nam giáp huyện Hữu Lũng và huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Chi Lăng có vị trí địa lý lợi thế về giao thương về đường bộ, nằm trong khoảng giữa thành phố Lạng Sơn với tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hà Nội, có Quốc lộ 1A, đường Cao tốc Lạng Sơn – Bắc Giang và đường sắt liên vận quốc tế đi qua tạo điều kiện cho huyện có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hoá mở rộng giao lưu trao đổi hàng hoá, dịch vụ khoa học công nghệ,... với các tỉnh khác trong cả nước và Trung Quốc.

### **1.2. Địa hình, đất đai**

Nhìn tổng thể huyện Chi Lăng có địa hình gồm 3 dạng chính gồm có phía Tây là dãy núi đá vôi, phía Đông là địa hình đất đỏ vàng và vùng thung lũng dọc hai bờ Sông Thương.

Huyện Chi Lăng là một huyện nằm ở phía Tây Nam, thuộc vùng đồi núi thấp của tỉnh Lạng Sơn, diện tích tự nhiên là 704,18 km<sup>2</sup>. Địa hình khá phức tạp, trong đó núi đá và rừng chiếm khoảng 83,3% diện tích toàn huyện. Địa hình có thể chia làm ba vùng khác nhau: Vùng thứ nhất là vùng cacxtơ với những dãy núi đá vôi thuộc các xã phía Tây của huyện; Vùng thứ hai là vùng thung lũng thềm đất thấp bao gồm các xã, thị trấn chạy dọc theo Quốc lộ 1A; Vùng thứ ba là vùng sa phiến, núi cao trung bình sắp xếp thành dải, thuộc các xã phía Đông Bắc của huyện, độ cao trung bình từ 300 - 400m. Các đơn vị hành chính cấp xã của huyện được chia thành 3 khu vực: khu vực núi đá gồm 7 xã: Gia Lộc, Thượng Cường, Hòa Bình, Vạn Linh, Y Tịch, Bằng Mạc, Bằng Hữu; khu vực núi đất gồm 6 xã: Vân An, Chiến Thắng, Liên Sơn, Lâm Sơn, Quan Sơn, Hữu Kiên; khu vực trung tâm (Theo trục đường sắt và đường quốc lộ 1A) gồm 7 xã: Vân Thủy, Bắc Thủy, Nhân Lý, Mai Sao, TT Đồng Mỏ, Chi Lăng, TT Chi Lăng.

Huyện Chi Lăng có tổng diện tích tự nhiên là 70.418,89 ha. Trong đó, đất nông nghiệp chiếm 76,24%, đất phi nông nghiệp chiếm 5,0%, đất chưa sử dụng chiếm 18,76%. Thổ nhưỡng gồm 3 loại đất chính: đất feralit vùng đồi và núi thấp, đất feralit mùn trên núi đá vôi và đất phù sa ven sông Thương. Sự đa dạng của các loại đất và các điều kiện tự nhiên khác đã hình thành nên các vùng phân bố cây trồng lâm nghiệp đặc trưng cho từng khu vực trên địa bàn huyện.

### **1.3. Khí hậu**

Huyện Chi Lăng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có một mùa đông lạnh, nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa tiểu vùng khí hậu ẩm và mưa nhiều ở phía tây, tiểu vùng lạnh và mưa ít ở phía đông, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng núi phía bắc. Nhiệt độ trung bình năm 22,7°C lượng mưa trung bình năm 1.379 mm với khoảng 132 ngày mưa. Mùa mưa tập trung vào các tháng mùa hè từ tháng 4 đến tháng 10.

Nhìn chung khí hậu ở Chi Lăng thích hợp cho việc canh tác đa dạng các loại cây trồng, kết hợp với lượng mưa nhiều đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các loại cây trồng nhiệt đới.

## **2. Thực trạng phát triển kinh tế huyện Chi Lăng**

Huyện Chi Lăng có 20 đơn vị hành chính gồm 18 xã và 02 thị trấn. Dân số 75.960 người, có nhiều dân tộc cùng chung sống đoàn kết, trong đó dân tộc Nùng chiếm 48,9%, dân tộc Tày chiếm 34%, dân tộc Kinh chiếm 16% và các dân tộc khác chiếm 1,1%; mật độ dân số trung bình là 1,07 người/km<sup>2</sup>.

Tổng số lao động trong độ tuổi của huyện là 45.795 người, chiếm 60,29% dân số, đa số là lao động trẻ, khỏe, đây là nguồn nhân lực dồi dào cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trong những năm qua với quyết tâm nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng và Nhân dân các dân tộc huyện Chi Lăng, kinh tế có những chuyển biến tích cực: Cơ cấu kinh tế dần chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn; bước đầu khai thác có hiệu quả và phát huy những tiềm năng, phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh có thế mạnh của địa phương. Với tiềm năng phát triển kinh tế như vậy, Chi Lăng đang có tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm tăng dần (đạt khoảng 9%/năm). Hiện nay thu nhập bình quân tính trên đầu người đạt khoảng 36,5 triệu đồng/người/năm.

Qua 05 năm triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện đã xây dựng và phát triển được các vùng sản xuất nông nghiệp chủ lực tập trung tại các xã, thị trấn như:

**Vùng sản xuất Na Chi Lăng:** Tập trung phát triển cây Na tại các xã Chi Lăng, Mai Sao, Hòa Bình, Thượng Cường, Y Tịch, Vạn Linh, thị trấn Đồng Mỏ, thị trấn Chi Lăng với quy mô 2.400 ha, sản lượng đạt trên 19.000 tấn/năm; giá trị ước đạt trên 700 tỷ đồng/năm. Hiện nay, diện tích Na sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP đạt 35 ha, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 578,62 ha. Đến hết năm 2021, có 03 sản phẩm Na Chi Lăng đạt chứng nhận sản phẩm OCOP bốn sao, 01 sản phẩm đạt ba sao.

**Cây có múi (bưởi, cam, quýt,..):** Tập trung phát triển cây có múi tại các xã Chi Lăng, thị trấn Đồng Mỏ, Mai Sao, Y Tịch, Vạn Linh, Gia Lộc với quy mô trên 500 ha; sản lượng đạt trên 2.000 tấn/năm; giá trị ước đạt trên 50 tỷ đồng/năm.

**Vùng nguyên liệu thuốc lá:** Tập trung phát triển cây thuốc lá tại các xã: Gia Lộc, Y Tịch, Vạn Linh, Hòa Bình, Bằng Mạc, Thượng Cường, Bằng Hữu với quy mô đạt khoảng 800 ha, sản lượng đạt trên 1.600 tấn/năm; giá trị ước đạt trên 70 tỷ đồng/năm.

**Vùng sản xuất cây ớt cay:** Tập trung phát triển sản xuất cây ớt cay ở các xã: Mai Sao, Nhân Lý, Bắc Thủy, Vân Thủy, Quan Sơn. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, đưa các giống năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Năm 2021, diện tích cây ớt ước đạt 785,0 ha, sản lượng ước đạt trên 6.500 tấn/năm; giá trị ước đạt trên 100 tỷ đồng/năm.

**Vùng lạc:** Tập trung phát triển ở các xã: Vạn Linh, Y Tịch, Hòa Bình,

Bằng Mạc, Thượng Cường, Gia Lộc, Bằng Hữu, Chiến Thắng với quy mô trên 500 ha, sản lượng ước đạt trên 1.000 tấn/năm; giá trị ước đạt trên 20 tỷ đồng/năm.

**Vùng hồi:** Tập trung sản xuất tại các xã: Gia Lộc, Hòa Bình, Thượng Cường, Bằng Mạc, Bằng Hữu với diện tích đạt trên 1.500 ha, diện tích cho thu hoạch gần 1.300 ha, sản lượng hoa hồi tươi đạt trên 1.200 tấn/năm; giá trị ước đạt trên 60 tỷ đồng/năm; riêng năm 2020, giá hồi tăng cao, doanh thu ước đạt gần 100 tỷ đồng/năm.

**Vùng thông:** Tập trung phát triển tại các xã Chiến Thắng, Vân An, Liên Sơn, Lâm Sơn, Vân Thủy, Hữu Kiên với quy mô trên 13.000 ha.

**Vùng keo, bạch đàn:** Tập trung phát triển tại các xã Chi Lăng, thị trấn Chi Lăng, Lâm Sơn, Quan Sơn, Bắc Thủy, Hữu Kiên, Mai Sao, Nhân Lý với quy mô trên 15.000 ha, vận động người dân đầu tư thâm canh, chăm sóc để rừng phát triển tốt.

Chăn nuôi cũng là ngành sản xuất quan trọng trong tái cơ cấu ngành, năm 2021, tổng đàn trâu ước có 9.950 con, đàn bò ước có 4.990 con. Chăn nuôi Ngựa, đặc biệt là Ngựa bạch Hữu Kiên: Tập trung tại các xã: Hữu Kiên, Quan Sơn với quy mô đàn ngựa trên 2.500 con, trong đó ngựa bạch có trên 1.000 con, giá trị ước đạt trên 70 tỷ đồng.

Trong thời gian tới, huyện chỉ đạo tiếp tục giữ ổn định diện tích sản xuất các vùng nông sản chủ lực; tập trung nguồn lực đầu tư vào các hoạt động làm tăng giá trị sản phẩm, tạo mọi điều kiện, khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư, liên kết và tiêu thụ sản phẩm hình thành chuỗi giá trị. Tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất Na, cây có múi; mở rộng diện tích sản xuất Na, cây có múi theo hướng nông nghiệp tốt; thực hiện đăng ký sản phẩm OCOP Na Chi Lăng tại các xã còn lại, tiếp tục đăng ký nâng hạng đối với các sản phẩm đã xếp hạng. Triển khai thực hiện Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững, tiếp tục mở rộng diện tích trồng cây lâm nghiệp chủ lực: Thông, keo. Thực hiện mở rộng diện tích trồng cây Hồi và mở rộng diện tích sản xuất Hồi theo tiêu chuẩn hữu cơ.

### **Phần thứ ba**

## **NỘI DUNG THUYẾT MINH ĐỀ ÁN**

### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN**

**1. Tên đề án:** “Chuyển đổi cây Thuộc lá sang các loại cây trồng khác trên địa bàn huyện Chi Lăng năm 2022”.

**2. Chủ đầu tư:** Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

### **3. Địa điểm, thời gian thực hiện**

- Địa điểm: Trên địa bàn các xã: Chi Lăng, Thượng Cường, Hòa Bình, Vạn Linh, Y Tịch, Gia Lộc, Bằng Mạc, Bằng Hữu và thị trấn Đồng Mỏ.

- Thời gian: **Năm 2023-2024.**

### **4. Quy mô thực hiện:**

- Thực hiện sản xuất Na theo tiêu chuẩn VietGAP tại thị trấn Đồng Mỏ, xã Chi Lăng, xã Thượng Cường, xã Hòa Bình, xã Vạn Linh, xã Y Tịch diện tích 200,0 ha.

- Mở rộng diện tích cây có múi trên địa bàn các xã Bằng Mạc, Hòa Bình với diện tích 12,5 ha.

- Mở rộng diện tích trồng cây Gai xanh trên địa bàn huyện Chi Lăng với diện tích 100,0 ha.

### **5. Đối tượng thực hiện**

- Đối tượng hưởng lợi của đề án: Các cá nhân, hộ gia đình, Tổ Hợp tác, Hợp tác xã trên địa bàn các xã: Chi Lăng, Thượng Cường, Hòa Bình, Vạn Linh, Y Tịch, Gia Lộc, Bằng Mạc, Bằng Hữu và thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng.

- Điều kiện tham gia đề án: Các thành viên tự nguyện tham gia cam kết thực hiện đúng các quy định, quy trình sản xuất và có đủ điều kiện sản xuất như đất đai, lao động, trang thiết bị, vật tư phù hợp để tiếp nhận tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Cá nhân, tổ chức (cơ sở) tham gia đề án: phải có cam kết duy trì ổn định hệ thống trong sản xuất trồng chăm sóc cây trồng sau khi được cấp giấy chứng nhận VietGAP; tự đầu tư tái cấp lại giấy chứng nhận khi hết thời hạn theo quy định.

### **6. Mục tiêu mô hình**

#### **a) Mục tiêu chung**

Khai thác tiềm năng thế mạnh về đất đai, khí hậu, lao động, tập quán canh tác, xây dựng và nâng cao giá trị thương hiệu Na Chi Lăng và các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của huyện. Tập trung phát triển các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, với quy mô đủ lớn, có sản phẩm hàng hóa tập trung, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm. Nhằm tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người sản xuất nông lâm nghiệp, góp phần hoàn thành mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Góp phần tạo sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức, tư tưởng, hành động của người nông dân, giúp bà con hiểu được rằng: trong sản xuất, kinh doanh, chất lượng sản phẩm mới là điều kiện tiên quyết và sống còn để duy trì và phát triển. Đồng thời, áp dụng kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất trồng trọt còn thúc đẩy sự kết nối giữa sản xuất với thị trường, góp phần



bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng trong nước. Từng bước xây dựng thương hiệu cho ngành trồng trọt, tổ chức thực hiện tốt Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) trên địa bàn huyện.

### **b) Mục tiêu cụ thể**

Chuyển đổi diện tích trồng Thuốc lá khó khăn về nước tưới và thời tiết sang mở rộng diện tích sản xuất Na và các sản phẩm chủ lực theo hướng sản xuất nông nghiệp tốt; khuyến khích các hộ gia đình tại các xã, thị trấn đăng ký tham gia thực hiện sản xuất an toàn theo hướng sản xuất nông nghiệp tốt. Nhằm chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào phát triển sản xuất giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

Nâng cao uy tín, chất lượng, giá trị nhãn hiệu Na Chi Lăng và các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP; góp phần đẩy mạnh liên kết tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất. Xây dựng thương hiệu cho ngành trồng trọt, tổ chức thực hiện tốt Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) trên địa bàn huyện.

Xây dựng mô hình mở rộng diện tích trồng cây Gai xanh trên địa bàn huyện Chi Lăng nhằm đưa giống mới đã được trồng thử nghiệm phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, đất đai của địa phương vào phát triển sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất sản phẩm hàng hóa tập trung, nâng cao năng suất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân góp phần hoàn thành mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

## **II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

### **1. Mô hình sản xuất Na theo tiêu chuẩn VietGAP tại thị trấn Đồng Mỏ, xã Chi Lăng, xã Thượng Cường, xã Vạn Linh, xã Y Tịch, xã Hòa Bình**

#### **1.1. Quy mô thực hiện: 200,0 ha.**

#### **1.2. Nội dung triển khai thực hiện**

##### **1.2.1. Thực hiện chuyển giao KHKT về quy trình sản xuất Na an toàn theo hướng nông nghiệp tốt (VietGAP)**

+ Khảo sát, lựa chọn điểm xây dựng mô hình: Lựa chọn điểm xây dựng mô hình, đánh giá chất lượng đất trồng và chất lượng nước tưới của vùng thực hiện mô hình. Lấy mẫu đất, mẫu nước phân tích dư lượng các kim loại nặng và vi sinh trong đất, nước theo quy định và phù hợp với vùng sản xuất trong quy hoạch của địa phương.

+ Thành lập nhóm tự quản: Lựa chọn các hộ tham gia mô hình: thống nhất tên gọi nhóm cùng sở thích, bầu ra nhóm trưởng, xây dựng quy chế hoạt động của nhóm tự quản.

+ Tư vấn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP: Tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật về quy trình sản xuất Na an toàn theo hướng sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP, hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại trên cây Na; điều tra, khảo sát, đánh giá thiếu hụt các nông hộ tham gia dự án theo

yêu cầu của tiêu chuẩn và lập báo cáo; biên soạn và ban hành tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn dựa trên vùng sản xuất thực tế; hướng dẫn, kiểm tra quá trình áp dụng các hệ thống tài liệu đã ban hành vào thực tế, hướng dẫn xây dựng phần cứng và ghi chép hồ sơ, lưu hồ sơ; đánh giá nội bộ các nội dung khác cho các hộ nông dân tham gia mô hình và các hộ nông dân vùng liền kề; hướng dẫn khắc phục lỗi sau đánh giá.

+ Xây dựng quy trình thực hiện sản xuất: Xây dựng quy trình chuẩn về sản xuất Na phù hợp với điều kiện thực tế của các hộ nông dân đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Ghi chép, lưu giữ hồ sơ, truy nguồn gốc: Hướng dẫn các hộ ghi chép đầy đủ nhật ký sản xuất, nhật ký về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, bán sản phẩm (theo mẫu); hồ sơ phải được thiết lập cho từng chi tiết trong các khâu sản xuất và được lưu trữ tại các hộ sản xuất và nhóm tự quản làm cơ sở truy xuất nguồn gốc.

+ Phân tích dư lượng: Lấy mẫu sản phẩm của các hộ nông dân tham gia mô hình vào thời điểm thu hoạch, phân tích các chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và chỉ tiêu kim loại nặng, vi sinh vật theo quy định.

+ Hỗ trợ vùng sản xuất: Các hộ nông dân sản xuất Na tham gia mô hình được hỗ trợ về phân bón, kỹ thuật bón phân, kỹ thuật chăm sóc cây trồng và phòng trừ sâu bệnh.

+ Kiểm tra, giám sát và đánh giá nội bộ: Tổ chức tư vấn hướng dẫn các hộ thực hiện đánh giá nội bộ theo bảng kiểm tra đánh giá để tự đánh giá sự phù hợp của thực hành sản xuất, ghi chép và lưu trữ hồ sơ theo tiêu chuẩn sản xuất VietGAP. Kiểm tra, giám sát nội bộ, tiếp nhận các cuộc kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức chứng nhận về việc thực hiện sản xuất.

+ Chứng nhận sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP: Mời tổ chức chứng nhận kiểm tra, chứng nhận sản phẩm Natheo tiêu chuẩn VietGAP.

+ Thiết kế biển bảng mô hình: Hỗ trợ nhóm hộ trong mô hình bảng thương hiệu sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

### *1.2.2. Hỗ trợ in ấn tem nhãn, bao bì, bao gói sản phẩm Na Chi Lăng*

- Tiếp tục duy trì các THT, Ban quản lý sản xuất Na an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn huyện. Vận động thêm các nhóm hộ tham gia sản xuất Na an toàn trên địa bàn. Kêu gọi, giới thiệu các doanh nghiệp tham gia đầu tư, bao tiêu sản phẩm Na Chi Lăng.

- Thiết kế bao bì, tem nhãn, bao gói sản phẩm Na Chi Lăng. Thực hiện hỗ trợ cho các THT, HTX sản xuất Na theo tiêu chuẩn VietGAP và diện tích sản xuất Na an toàn trên địa bàn.

### *1.2.3. Hỗ trợ phân bón cho các hộ gia đình tham gia mô hình sản xuất Na theo tiêu chuẩn VietGAP*

### **1.3. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện mô hình: **5.190.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm tỷ một trăm chín mươi triệu đồng chẵn*).

Trong đó: Ngân sách nhà nước: 3.850.000.000 đồng;

Nhân dân đối ứng: 1.340.000 đồng.

## **2. Mô hình mở rộng diện tích cây có múi tại xã Bằng Mạc, xã Hòa Bình**

2.1. Quy mô thực hiện: 12,5 ha.

2.2. Nội dung thực hiện

- Công tác chuẩn bị: Khảo sát thực tế và lựa chọn đối tượng tự nguyện tham gia mô hình tại xã Bằng Mạc, xã Hòa Bình, huyện Chi Lăng. Chọn các hộ có đủ điều kiện về sản xuất như đất đai, lao động, vật tư phù hợp để tiếp nhận khoa học kỹ thuật. Có khu đất trồng tập trung, hệ thống tưới tiêu thuận lợi.

- Cung ứng giống, vật tư: Hỗ trợ 100% giống Cây Bưởi da xanh, cây Bưởi diễm, cây Cam Vinh và phân bón lót đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc, lý lịch rõ ràng, không có sâu bệnh hại.

- Tổ chức thực hiện sản xuất: Hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình về quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và tuyên truyền nhân rộng mô hình.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên hoặc đột xuất; thực hiện đánh giá kết quả thực hiện mô hình, đồng thời tuyên truyền và nhân rộng mô hình sản xuất trên địa bàn huyện.

### **2.3. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện mô hình: **2.970.600.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm bảy mươi triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

Trong đó: Ngân sách nhà nước: 1.346.195.000 đồng;

Nhân dân đối ứng: 1.624.405.000 đồng.

## **3. Mở rộng diện tích trồng cây Gai xanh trên địa bàn huyện Chi Lăng**

3.1. Quy mô thực hiện: 100,0 ha.

3.2. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn các xã: Thượng Cường, Hòa Bình, Vạn Linh, Y Tịch, Gia Lộc, Bằng Mạc, Bằng Hữu.

3.3. Nội dung thực hiện

- Khảo sát, lập dự án, lựa chọn hộ gia đình tham gia mô hình triển khai thực hiện dự án. Kết nối với doanh nghiệp thu mua và chế biến cây gai xanh AP1.

- Cung ứng giống, vật tư: Hỗ trợ 100% cây giống Gai xanh AP1 đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc, lý lịch rõ ràng, không có sâu bệnh hại và hỗ trợ máy

tuốt vỏ cho các hộ, nhóm hộ gia đình tham gia mô hình (01 máy/ha).

- Tổ chức thực hiện sản xuất: Hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình về quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và tuyên truyền nhân rộng mô hình.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên hoặc đột xuất; thực hiện đánh giá kết quả thực hiện mô hình, đồng thời tuyên truyền và nhân rộng mô hình sản xuất trên địa bàn huyện.

### **2.3. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện mô hình: **9.917.500.000 đồng** (*Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

Trong đó: Ngân sách nhà nước: 3.870.000.000 đồng;

Nhân dân đối ứng: 6.047.500.000 đồng.

### **3. Tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả đề án**

Kết thúc các hoạt động xây dựng mô hình, tiến hành kiểm tra, đánh giá và tổng kết về kết quả đạt được, những khó khăn vướng mắc để có giải pháp khắc phục, duy trì và phát triển các mô hình đạt hiệu quả theo mục tiêu đã đề ra.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn vốn hỗ trợ của Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá Việt Nam và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Tổng kinh phí thực hiện đề án: **18.181.905.000 đồng** (*Bằng chữ: Mười tám tỷ một trăm tám mươi một triệu chín trăm linh năm nghìn đồng chẵn*).

Trong đó: Ngân sách nhà nước: 9.170.000.000 đồng;

Nhân dân đối ứng: 9.011.905.000 đồng.

*(Có Dự toán chi tiết kèm theo).*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện**

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Hội nông dân huyện tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng rừng, trồng và chăm sóc các loài cây chủ lực, đặc biệt là cây Na theo hướng sản xuất nông nghiệp tốt góp phần nâng cao chất lượng các sản phẩm chủ lực, giữ vững nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm "Na Chi Lăng".

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn khảo sát lựa chọn địa điểm, lựa chọn các đối tượng phù hợp để tham gia các mô hình sản xuất Na theo tiêu chuẩn VietGAP; mô hình mở rộng diện tích cây có múi trên địa bàn các xã Bằng Mạc, Hòa Bình; mô hình mở rộng diện tích trồng cây Gai xanh trên địa bàn huyện Chi Lăng.

Chủ động cập nhật, theo dõi tình hình diễn biến giá cả thị trường, sản lượng tiêu thụ, báo cáo cấp trên, đồng thời cung cấp thông tin cho Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện thông báo kịp thời, giúp nhân dân chủ động sản xuất, thu hoạch, tiêu thụ.

Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các ngành chức năng hỗ trợ nhân dân thành lập và duy trì hoạt động của các Hợp tác xã sản xuất, tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện.

Liên hệ với cơ quan Truyền hình, báo đài, báo giấy, báo điện tử ở Trung ương và địa phương,... thực hiện truyền truyền quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

## **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Theo dõi, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện thực hiện dự án đảm bảo đúng tiến độ và các quy định của pháp luật. Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thành lập và duy trì hoạt động của các Hợp tác xã sản xuất, tiêu thụ nông sản.

## **3. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện**

Hướng dẫn, khuyến cáo Nhân dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, các cây giống mới đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Thực hiện tốt công tác dự báo tình hình sâu, bệnh hại trên các cây trồng nông lâm nghiệp, cung cấp thông tin cho Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện để thông tin kịp thời cho nhân dân.

## **4. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội huyện**

Tuyên truyền đến các đoàn thể, hội viên tại cơ sở phát triển sản xuất nông sản, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

## **5. Các tổ chức, cá nhân tham gia đề án**

Các tổ chức, cá nhân tham gia dự án thực hiện nghiêm túc kỹ thuật trồng rừng, các quy trình sản xuất, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh theo tiêu chuẩn VietGAP; phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế và Hạ tầng cung cấp thông tin phục vụ khảo sát, nghiên cứu thị trường sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông sản.

## **6. UBND các xã, thị trấn tại địa bàn thực hiện đề án**

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội huyện, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, trưởng các thôn tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia dự án thực hiện sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện đúng quy trình, kỹ thuật được tập huấn, đảm bảo hiệu quả của mô hình.

## **7. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện**

Phối hợp với các ban, ngành chức năng kịp thời thông tin về tình hình sâu, bệnh hại cây trồng, tình hình thị trường tiêu thụ trên hệ thống phát thanh của

huyện và hệ thống loa truyền thanh cơ sở để nhân dân được biết.

Tham mưu cho UBND huyện chuẩn bị các bài viết, hình ảnh, phóng sự quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản chủ lực, đặc biệt là các sản phẩm OCOP trên trang thông tin điện tử của tỉnh (<http://www.langson.gov.vn>) và của huyện (<http://www.langson.gov.vn/chilang/>) đồng thời cung cấp cho các cơ quan thông tin đại chúng phục vụ việc quảng bá giới thiệu sản phẩm.

**8. Các cơ quan khác:** Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến đơn vị, phục vụ nhân dân sản xuất, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là Thuyết minh Đề án chuyển đổi diện tích cây Thuốc lá sang các loại cây trồng khác trên địa bàn huyện Chi Lăng./.

***Nơi nhận:***

- Quỹ Phòng, chống tác hại thuốc lá VN;
- Sở Y tế tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phùng Văn Nghĩa**